

KT3-00340BXD1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/03/2021
 Page 01/02

- Tên mẫu/ *Name of sample* : **ĐÁ 0 x 4 – XÍ NGHIỆP ĐÁ THIÊN TÂN 5**
- Mô tả mẫu/ *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer*
 60 kg
- Số lượng mẫu/ *Quantity*: 01
- Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving*: 25/02/2021
- Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**
Customer **138 Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**
- Thời gian thử nghiệm/ *Testing duration*: 26/02/2021 – 09/03/2021
- Phương pháp thử/ *Test method* : TCVN 7572 : 2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa – Phương pháp thử
- Kết quả thử nghiệm/ *Test result* :

Tên chỉ tiêu/ <i>Characteristic</i>	Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i>
8.1. Khối lượng thể tích xốp/ <i>bulk density</i> , kg/m ³	
• Không lèn chặt/ <i>Uncompaction</i>	1390
• Lèn chặt/ <i>Compaction</i> ⁽¹⁾	1550
8.2. Khối lượng thể tích/ <i>Density</i> , g/cm ³	
• Ở trạng thái khô/ <i>in oven dry condition</i>	2,69
• Ở trạng thái bão hòa nước-khô bề mặt/ <i>In saturated surface-dry condition</i>	2,71
8.3. Độ ẩm/ <i>Moisture content</i> , %	0,6
8.4. Độ hút nước/ <i>Water absorption</i> , %	1,1
8.5. Khối lượng riêng/ <i>Mass density</i> , g/cm ³	2,76
8.6. Độ nén dập trong xilanh ở trạng thái bão hòa nước, %/ <i>Crushing value in cylinder in saturated water condition</i>	15,9
8.7. Hàm lượng bụi, bùn, sét/ <i>Clay, silt and dust content</i> , %	1,3
8.8. Thành phần cỡ hạt/ <i>Particles size distribution</i>	Xem Bảng/ <i>See Table 1</i>
• Biểu đồ thành phần cỡ hạt/ <i>The Figure of particles size distribution</i>	Xem Biểu đồ số/ <i>See the Figure No. 00340BXD1/2</i>
8.9. Hàm lượng hạt thoi dẹt ⁽²⁾ , %/ <i>Elongation and flakiness content</i>	31,4
8.10. Độ mài mòn trong tang quay, %/ <i>Abrasion by Los Angeles</i>	20,7
8.11. Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa, %/ <i>Softing and weathering content</i>	0

TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG
HEAD OF CIVIL ENGINEERING
TESTING LAB.

Trần Huỳnh Chương

TL. GIÁM ĐỐC
PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

Nguyễn Tân Tùng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-00340BXD1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

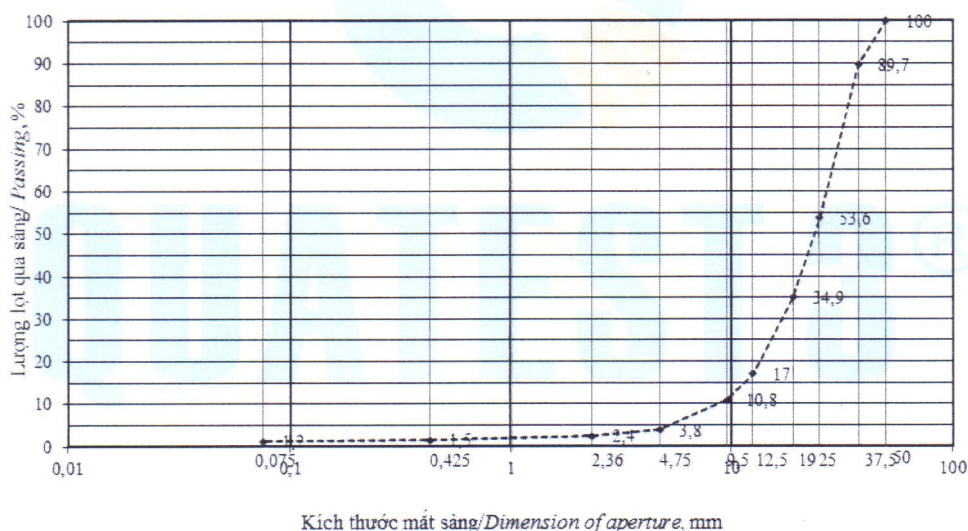
09/03/2021
Page 02/02

Bảng / Table 1

Kích thước mắt sàng, mm <i>Dimension of aperture</i>	Phần còn lại trên sàng, % <i>Retained</i>	Lượng lọt qua các sàng, % <i>Passing</i>
50,0	0	100,0
37,5	10,3	89,7
25,0	36,1	53,6
19,0	18,7	34,9
12,5	17,9	17,0
9,50	6,2	10,8
4,75	7,0	3,8
2,36	1,4	2,4
0,425	0,9	1,5
0,075	0,3	1,2

Ghi chú/ Notes:

- (1) Phương pháp thử/ Test method: ASTM C 29 - 09
- (2) Tính theo tổng khối lượng mẫu/ Calculation based on the total sample



Kích thước mắt sàng/Dimension of aperture, mm

----- Đường biểu diễn mẫu thử/Line illustrates the sample

Biểu đồ: KT3-00340BXD1/2
Figure

THÀNH PHẦN HẠT
PARTICLE SIZE DISTRIBUTION

cl

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.